TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86**/2024/DS–ST
Ngày: 10-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Sơn
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 249/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Số 16B1, Khu phố 4, phường P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Vào ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch, bà Lê Thị L có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, tính đến ngày mùng 05 tháng 3 năm 2023 âm lịch, mục đích vay tiền là để chăn nuôi, có làm biên nhận do bà Lê Thị L viết và ký tên, có con gái bà L là chị Lê Thị Diệu chứng kiến và ký tên xác nhận. Việc vay tiền này chồng bà L là ông Lê Văn T cũng có biết và đồng ý. Tuy nhiên sau khi hết thời hạn vay tới nay, bà L không trả được vốn gốc cho bà H. Do đó, nay bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc còn nợ là 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch đến ngày mùng 05 tháng 3 năm 2024 âm lịch, tổng cộng là 15 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.715.000 đồng. Lý do hợp đồng vay giữa bà L và bà H là vay có lãi nhưng là thoả thuận miệng nên nay bà H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật cho phép.

Bị đơn bà Lê Thị L trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà:

Bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, mục đích vay là để cho con gái mượn làm ăn, chăn nuôi. Việc vay tiền này chồng bà là ông Lê Văn T có biết và đồng ý. Giấy mượn tiền do nguyên đơn giao nộp là do bà viết và ký tên, có con gái bà là chị Lê Thị Diệu chứng kiến và ký tên xác nhận. Ngày vay tiền là ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch, theo giấy biên nhận ghi thời hạn vay đến ngày 05 tháng 3 năm 2023 âm lịch trả, tức thời hạn là 03 tháng, nhưng sau thời hạn này bà vẫn tiếp tục đóng lãi và được bà H đồng ý, mỗi tháng đóng lãi là 3.500.000 đồng, bà đóng đến tháng 12 năm 2023 âm lịch do hoàn cảnh khó khăn nên không có đóng lãi nữa. Nay bà H khởi kiện thì bà đồng ý liên đới cùng chồng là ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và đồng ý trả lãi từ ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch đến ngày mùng 05 tháng 3 năm 2024 âm lịch, tổng cộng là 15 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.715.000 đồng. Bà không yêu cầu Toà án xem xét về phần tiền lãi là đóng cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Các giai đoạn tố tụng của vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền vay gốc còn nợ là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch đến ngày mùng 05 tháng 03 năm 2024 âm lịch, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 8.715.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm

có giá ngạch, bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới chịu nhưng được miễn nộp do thuộc diện người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, người đại diện theo uỷ quyền của đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 70.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của số tiền trên nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của bà L nên bà có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch, bà Lê Thị L có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, tính đến ngày mùng 05 tháng 3 năm 2023 âm lịch, mục đích vay tiền là để chăn nuôi, có làm biên nhận do bà Lê Thị L viết và ký tên, có con gái bà L là chị Lê Thị Diệu chứng kiến và ký tên xác nhận. Việc vay tiền này chồng bà L là ông Lê Văn T cũng có biết và đồng ý. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn vay tới nay, bà L không trả được vốn gốc cho bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và trả lãi từ ngày mùng 05 tháng 12 năm 2022 âm lịch đến ngày mùng 05 tháng 3 năm 2024 âm lịch, tổng cộng là 15 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 8.715.000 đồng. Tất cả các nội dung trên đều được bà L thừa nhận. Tại phiên toà, bà L đồng ý cùng chồng là ông Lê Văn Thiện có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 8.715.000 đồng. Ông Lê Văn T là chồng bà L đã được Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không gửi văn bản nếu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét. Như vậy, ông T đã không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H. Từ những lý do trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp

nhận, cần buộc bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 8.715.000 đồng là phù hợp.

[6] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được miễn nộp do thuộc diện người cao tuổi và có yêu câu xin miễn nọp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ vay gốc là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi là 8.715.000 (tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.936.000 (ba triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn) đồng do bà Lê Thị L và ông Lê Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu nhưng được miễn nộp toàn bộ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.960.000 (một triệu chín sáu mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005445 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (3b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b)
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân